

Số: /KH-UBND

Cẩm Long, ngày tháng năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2022-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Cẩm Long**

Thực hiện Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Thủy về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2022 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. UBND xã Cẩm Long ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2022 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu chung Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, đặc điểm vùng, miền, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân xã Cẩm Long.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời + Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 80% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 75% vào năm 2025 và phấn đấu đạt 80% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

- Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 11,6% vào năm 2025 và xuống dưới 9% vào năm 2030.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 16,8 % vào năm 2025 và dưới 14% vào năm 2030.

+ Giảm tỷ lệ thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 2% vào năm 2025 và dưới 1,5% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 56% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 78% vào năm 2025 và đạt 85% vào năm 2030.

- Mục tiêu 3: Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành

+ Khống chế tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 2% ở nông thôn và dưới 5% ở nơi có điều kiện kinh tế phát triển ( thị trấn phong sơn); trẻ 5–18 tuổi ở mức dưới 15% (khu vực thị trấn phong sơn ở mức dưới 20% và các xã còn lại ở mức dưới 10%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực Thị trấn phong sơn ở mức dưới 23% và các xã còn lại ở mức dưới 15%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

+ Tuyên truyền người dân ở lứa tuổi (15-49 tuổi ) tiêu thụ lượng muối giảm xuống dưới 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030.

- Mục tiêu 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ.

+ Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 23%; xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 20% vào năm 2030.

+ Trên 98% trẻ em từ 6 - 60 tháng được bổ sung viên nang Vitamin A theo qui định; trên 95% bà mẹ sau sinh trong vòng một tháng được bổ sung Vitamin A theo qui định; 100% trẻ có nguy cơ cao (trẻ suy dinh dưỡng, trẻ 3 nhiễm sởi, nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy...) được uống bổ sung Vitamin A đến năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

+ Tỷ lệ phụ nữ mang thai được uống viên sắt/đá vi chất đến năm 2025 đạt 85%; đến năm 2030 đạt 95%.

+ Tuyên truyền hưởng ứng đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình dùng muối I - ốt hàng ngày đủ tiêu chuẩn phòng bệnh ( $\geq 20\text{ppm}$ ) đạt > 90%, mức I- ốt niệu của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đạt từ 10 đến 20 microgam/dl và tiếp tục duy trì đến năm 2030.

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hàng ngày tăng lên trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

- Mục tiêu 5: Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp tại các đơn vị trong xã

+ Đến năm 2025, 100% các thôn có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá, triển khai can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp và duy trì đến năm 2030.

+ Thực hiện giám sát dinh dưỡng trong các trường hợp khẩn cấp tại các thôn thường xuyên xảy ra thiên tai và có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao trên mức trung bình của toàn huyện.

+ Đến năm 2025, 100% các thôn có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng và dinh dưỡng khẩn cấp theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.

- Mục tiêu 6: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng, cơ sở giáo dục và các cơ sở y tế

+ 100% cán bộ chuyên trách về dinh dưỡng tuyến xã được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng vào năm 2025.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Công tác chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành - Nghiên cứu, vận dụng chính sách về bảo hiểm y tế để chi trả cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; xây dựng quy định về ghi nhãn dinh dưỡng mặt trước bao bì sản phẩm đóng gói sẵn, hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt với trẻ em, áp thuế tiêu thụ với đồ uống có đường.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược phòng chống suy dinh dưỡng xã, do Phó Chủ tịch UBND cấp phụ trách Văn hóa - Xã hội làm Trưởng ban; lãnh đạo ngành Y tế các cấp làm Phó ban thường trực, đại diện các ban, ngành và đoàn thể xã hội có liên quan các cấp là các thành viên Ban chỉ đạo; Ban chỉ đạo có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Chiến lược.

- Kiện toàn mạng lưới chuyên trách chương trình dinh dưỡng xã, thôn, bản trên địa bàn toàn xã.

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng. Có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Chiến lược thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng, bảo đảm dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, thực hiện đúng các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

2. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Tăng cường mạng lưới truyền thông tuyên truyền, phổ biến, vận động các đơn vị, đoàn thể, và người dân thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.

- Triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi lứa tuổi.

- Tiếp tục thực hiện giáo dục dinh dưỡng về thể chất trong các hệ thống trường học. Lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào chương trình hoạt động thường xuyên của các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể có liên quan thông qua qui chế phối hợp liên ngành; đặc biệt giữa ngành Y tế với các ngành liên quan trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

- Có giải pháp huy động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp vào công tác dinh dưỡng.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng,

3. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn lực - Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách và y tế thôn bản ở tuyến cơ sở.

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, hoạt động mạng lưới, chuyên môn cho cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và đội ngũ cộng tác viên dinh dưỡng do tuyến tỉnh tổ chức.

#### 4. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

4.1. Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an toàn thực phẩm và an ninh dinh dưỡng - Xây dựng và phổ biến về khuyến nghị nhu cầu dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng đảm bảo an toàn thực phẩm và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng. - Xây dựng các kế hoạch, mô hình nông nghiệp dinh dưỡng, hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình.

4.2. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học - Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và bảo đảm đa dạng thực

phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường); giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp, tổ chức truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh trong trường học.

- Duy trì tẩy giun, sán định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun, sán cao.

#### 4.3. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em

- Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em 6 bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Xác định nhóm đối tượng ưu tiên và khu vực cần được can thiệp dựa theo các tiêu chí về suy dinh dưỡng thấp còi, tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ và điều kiện kinh tế - xã hội của từng xã, thị trấn trên địa bàn huyện. 4.4. Thực hiện dinh dưỡng tại bệnh viện

- Xây dựng và triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế; tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện như thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

#### 4.5. Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Tổ chức khám sàng lọc phân loại trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng vào các đợt cân đo định kỳ và tại vùng thiên tai xảy ra tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng.

#### 4.6. Thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá

- Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá các lĩnh vực dinh dưỡng đặc thù: dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ; vi chất; dinh dưỡng học đường; dinh dưỡng tiết chế; dinh dưỡng cho người cao tuổi; dinh dưỡng khẩn cấp nhằm phục vụ cho các cuộc điều tra định kỳ và điều tra chuyên biệt.

- Cân, đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và học sinh theo định kỳ. Thực hiện giám sát số liệu tình trạng dinh dưỡng trẻ em 0-16 tuổi theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Duy trì điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em thông qua điều tra định kỳ hằng năm.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động các tuyến, liên ngành.

- Xây dựng hệ thống giám sát đánh giá tình trạng dinh dưỡng học đường cho các cấp học.

### **III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số và thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí được phân bổ cho huyện (nếu có) từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

- Tăng cường xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính; huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ các tổ chức trên địa bàn huyện, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trạm Y tế xã- Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc các đơn vị, xã, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Rà soát, đề xuất kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm, trình UBND xã để cân đối, bố trí, đưa vào dự toán ngân sách hàng năm, trình HĐND xã xem xét, quyết định.

- Phối hợp với đài truyền thanh xã trong việc xây dựng, phát sóng các chuyên mục, chuyên đề về công tác triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tăng cường đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình hoạt động thường xuyên của các đơn vị, ban, ngành, các chương trình, dự án để đạt các mục tiêu về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi giai đoạn 2022 - 2025 của xã.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, ban, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện Kế hoạch này.

## 2. Ủy ban nhân dân xã.

- Căn cứ vào Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã và tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em hàng năm của địa phương; đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong việc triển khai thực hiện; gắn với các chỉ tiêu về dinh dưỡng trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trong việc xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược theo quy định.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của chương trình trên địa bàn, bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch tại địa phương.

## - 3. Đề nghị Ủy ban MTTQ xã, các đoàn thể và tổ chức xã hội

- Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; phối hợp thực hiện xã hội hóa công tác chăm sóc dinh dưỡng.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ xã vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách, cho trẻ ăn dặm đầy đủ chất, bổ sung vi chất phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi.

11. Các đơn vị, ban, ngành có liên quan Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Trạm tâm Y tế trong việc triển khai Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế. Chủ tịch UBND xã yêu cầu các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể cấp xã, nghiêm túc tổ chức triển khai thực Kế hoạch này.

### **Nơi nhân:**

- Thường trực ĐU, HĐND (Đề b/c);
- Ban Tuyên giáo ĐU (Đề b/c);
- Trang thông tin điện tử xã;
- Các thôn, cơ quan ( đề T/h);
- Lưu VT, VH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**P. CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hiếu**